TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2019/HSST
Ngày: 14-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Duy Thảo và bà Nguyễn Thị Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Tiến Bách – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 125/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

M - sinh ngày: 19/12/1982 tại Hậu Giang; nơi ĐKNKTT: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Q; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P (s) và bà O (s); đã có chồng và 02 con, con lớn sinh năm 2009 và con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/3/2019 (có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ L; địa chỉ: 549 đường N, quận K, thành phố Đ; đại diện theo pháp luật là bà Y - chức danh: Giám đốc (có mặt).

2/ Ông V - sinh năm: 1982; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Q (có mặt).

3/ Chị T - sinh năm: 1981; địa chỉ: xã A, huyện H, tỉnh B (vắng mặt không lý do).

4/ Ông T1 - sinh năm: 1968; địa chỉ: Xã L, huyện P, tỉnh T (vắng mặt không lý do).

5/ Ông D - sinh năm: 1969; địa chỉ: Xã P, huyện P, tỉnh T(vắng mặt không lý do).

- *Người làm chứng*:

1/ L - sinh năm: 1993; địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Đ (vắng mặt không lý do).

2/ L1 - sinh năm: 1985; địa chỉ: xã H, huyện C, tỉnh C (vắng mặt có lý do).

3/ T2 - sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Q (vắng mặt không lý do).

4/ Anh Th - sinh năm: 1982; địa chỉ: đường N, quận K, thành phố Đ (vắng mặt có lý do).

5/ Anh N - sinh năm: 1995; địa chỉ: đường D, phường H, quận H, thành phố Đ (vắng mặt có lý do).

6/ Anh A - sinh năm: 1992; địa chỉ: đường V, quận K, thành phố Đ (vắng mặt có lý do).

7/ Anh L3 - sinh năm: 1981; địa chỉ: đường V, quận K, thành phố Đ (vắng mặt có lý do).

8/ Em Nh - sinh ngày 12/01/2004; địa chỉ: xã N, huyện P, thành phố C (vắng mặt không lý do).

9/ Ông L4 - sinh năm: 1979; địa chỉ: đường V, quận K, thành phố Đ (vắng mặt không lý do).

10/ Chị P - sinh năm: 1986; địa chỉ: Xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Q (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cở sở Massage H có địa chỉ tại số 08 đường Đ, phường H, quận K, thành phố Đ được điều hành bởi công ty TNHH thương mại và dịch vụ L do bà Y đại diện theo pháp luật, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp ngày 30/5/2016 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng. Tháng 01/2017, bà Y giao cơ sở trên cho chị P điều hành và quản lý đồng thời để chị P đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh theo giấy phép cấp ngày 20/01/2017. Đến cuối năm 2017, chị P sinh con nên nghỉ việc. Ngày 01/01/2018, bà Y ký hợp đồng với V, theo đó bà Y giao cho V điều hành quản lý công việc kinh doanh của cơ sở trong thời hạn từ 01/01/2018 đến 01/01/2020, lợi nhuận có được từ việc kinh doanh được chia theo tỷ lệ bà Y hưởng 80%, V hưởng 20%. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng với bà Y thì V giao lại toàn bộ công việc điều hành quản lý kinh doanh của cơ sở cho M (*vợ của V*), mọi công việc hàng ngày của cơ sở massage H như thu tiền bán vé, tuyển chọn nhân viên, thu chi tiền khác,…đều do bị cáo M trực tiếp thực hiện.

Do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của cơ sở không đạt hiệu quả nên từ khoảng tháng 02/2019, M cho phép nhân viên massage nữ tại cơ sở bán dâm để kiếm thêm lợi nhuận. Về phương thức hoạt động, M trực tiếp tuyển chọn các nữ nhân viên vào làm việc massage tại cơ sở H với tiền lương mỗi nhân viên 4.000.000 đồng/01 tháng, hàng ngày các nhân viên bắt đầu làm việc từ lúc 11 giờ đến khoảng 02 giờ ngày hôm sau, M thỏa thuận với các nhân viên massage khi thực hiện việc bán dâm cho khách tại cơ sở, nhân viên phải trả cho M các khoản tiền gọi là tiền "vé" và tiền "nhà" từ số tiền bán dâm mà các nhân viên có được, toàn bộ số tiền có được khi thực hiện việc bán dâm trong ngày phải đưa cho M tổng hợp, cất giữ. Theo đó, tiền "vé" là tiền các nhân viên phải nộp cho M 20.000 đồng/01 lượt khách vào masage và có bán dâm; tiền "nhà" là tiền các nhân viên phải nộp cho M từ 100.000 đồng hoặc 140.000 đồng dựa trên số lần bán dâm của mỗi nhân viên trong 01 ngày (*nếu nhân viên bán dâm được từ 01 đến 02 lần thì nộp 100.000 đồng, nếu bán dâm được từ 03 lần trở lên thì nộp 140.000 đồng*). Tiền bán dâm của nhân viên massage được M thu giữ và tổng hợp hàng ngày, đến cuối ngày căn cứ vào số lần massage và bán dâm của từng nhân viên, M sẽ trừ tiền "vé" và tiền "nhà" từ tổng số tiền bán dâm thu được và giao phần còn lại cho các nhân viên. Việc mua bán dâm tại cơ sở do các nhân viên trực tiếp thỏa thuận với khách đến massage với giá tiền trung bình là 300.000 đồng/01 lần quan hệ tình dục.

Vào ngày 25/3/2019, tại cơ sở massage H có 04 (bốn) nữ nhân viên massage gồm:

+ Chị T bắt đầu làm việc từ khoảng đầu tháng 02/2019.
+ Chị L bắt đầu làm việc từ khoảng giữa tháng 02/2019;
+ Chị T2 bắt đầu làm việc từ ngày 24/02/2019;
+ Chị L1 bắt đầu làm việc từ ngày 24/03/2019;

Tính trong ngày 25/3/2019, các nhân viên nói trên đã nhiều lần thực hiện việc bán dâm cho khách, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 20 giờ ngày 25/3/2019, A, L2 và N rủ nhau đến cơ sở massage H để massage. Tại đây, A, L2, N mua 03 vé vào phòng massage với giá mỗi vé là 100.000 đồng rồi được M dẫn lên tầng 2 vào các phòng massage khác nhau. M gọi T, L và L1 xuống phục vụ theo thứ tự T phục vụ cho A, L phục vụ cho N, L1 phục vụ cho L2. Trong quá trình massage, T và A, L và N, L1 và L2 từng cặp thỏa thuận và thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau với giá tiền 300.000 đồng. Sau khi quan hệ tình dục xong, A đưa tiền cho cho T, L2 đưa tiền cho L1 còn N xuống quầy lễ tân đưa số tiền 300.000 đồng cho M.

- Lần 2: Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Th đến cơ sở massage H mua của M 01 (một) vé massage với giá 100.000 đồng rồi được M dẫn lên phòng tại tầng 2. M

gọi L xuống phục vụ cho Th, quá trình massage Th và L thỏa thuận, thực hiện hành vi mua bán dâm, quan hệ tình dục xong Th trực tiếp đưa 300.000 đồng cho L.

- Lần 3: Khoảng 21 giờ cùng ngày, T1 và D cùng huyện P, tỉnh T đến cơ sở massage H mua của M mua 02 vé massage với giá 150.000 đồng mỗi vé. T1 được M dẫn lên phòng số 03 của tầng 2 còn D được M dẫn vào phòng 01 tầng 2. M gọi T phục vụ cho T1 và gọi L1 phục vụ cho D. Trong quá trình massage, T và T1, L1 và D từng cặp thỏa thuận và thực hiện hành vi mua bán dâm với giá 300.000 đồng. Khi T và T1 đang thực hiện hành vi mua bán dâm trong phòng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê bắt quả tang, còn D sau khi quan hệ tình dục với L1 xong đi xuống quầy lễ tân thanh toán số tiền 300.000 đồng, trong lúc đang thanh toán tiền thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận K bắt giữ.

Tiếp tục kiểm tra tại phòng nghỉ tầng 04 dành cho nhân viên Massage của cơ sở phát hiện 02 nhân viên massage là L và T2 đang ở trong phòng để đợi khách.

Qua điều tra xác định ngoài các lần nói trên, từ ngày 14/3/2019 đến ngày 25/3/2019, các nhân viên T, L, T2 và các đối tượng có tên Loan, Trang (chưa rõ lai lịch) đã bán dâm tổng cộng 70 (*bảy mươi*) lần, cụ thể: T bán dâm 22 lần, L bán dâm 19 lần, T2 bán dâm 16 lần, Trang bán dâm 09 lần, Loan bán dâm 04 lần. Do M không thu tiền bán dâm của L1 (*lý do theo M khai: đang trong thời gian thử việc)* và T2 (*lý do theo M khai: có quen biết trước, có hoàn cảnh khó khăn)* nên tổng số tiền thu lợi bất chính của M thu được từ hoạt động chứa mại dâm trong thời gian kể trên là 3.280.000đ (*ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).*

Ngoài ra, M khai còn tuyển chọn và thỏa thuận cho phép việc bán dâm tại cơ sở H với 03 nhân viên khác có tên Trang, Loan, Nhi (*không rõ nhân thân lai lịch)*, tại thời điểm phát hiện vụ việc thì các nhân viên này đã nghỉ làm tại cơ sở.

Thời điểm bắt quả tang, cơ quan Cảnh sát điều tra công an quận Thanh Khê có thu được 13 (*mười ba*) vé massage tại quầy lễ tân có ghi tên nhân viên, số phòng nhưng không ghi rõ ngày nên không đủ cơ sở để kết luận số lần mua bán dâm. Đối với các tài liệu ghi chép việc tính toán số tiền thu được từ hoạt động chứa mại dâm của M trong khoảng thời gian trước ngày 14/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K không thu giữ được nên không có cơ sở để kết luận số lần mua bán dâm và số tiền thu lợi bất chính trong khoảng thời gian đó.

Vật chứng tạm giữ gồm:

- Thu giữ tại quầy lễ tân: 01 (một) ví da màu đỏ bên trong có số tiền 5.390.000 đồng; số tiền 300.000 đồng (200.000đ trong hộc bàn quầy lễ tân, 100.000đ tiền thối lại cho D); 02 (hai) tập vé massage chưa qua sử dụng (hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê); 04 (bốn) mảnh giấy có nội dung liên quan đến

tiền massage và tiền bán dâm; 13 (mười ba) vé massage đã sử dụng (hiện kèm theo hồ sơ vụ án);

- Thu tại phòng ở của các nhân viên massage: 01 (một) cuốn sổ bìa có chữ "Thuận Thiên" bên trong có ghi các nội dung có liên quan đến số lần phục vụ khách của nhân viên massage (hiện kèm theo hồ sơ vụ án);

- Thu giữ của M: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu xám (số imei: 354376063752287); 01 (một) xe môtô hiệu Honda Lead màu đỏ, biển kiểm soát: 92L1-251.35 (số khung: 7908HY041889, số máy: JF79E0147990); số tiền 10.630.000 đồng (hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận K);

- Thu giữ tại các phòng massage: 25 (hai mươi lăm) bao cao su chưa qua sử dụng; 03 (ba) bao cao su đã qua sử dụng (hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận K);

- Thu giữ của T1 số tiền 300.000 đồng (hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận K);

- Thu giữ của T số tiền 100.000 đồng (hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận K).

Từ những nội dung trên, tại Cáo trạng số: 100/CT-VKS ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo M về tội "Chứa mại dâm" theo các điểm c, d khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo M phạm tội "Chứa mại dâm".

- Áp dụng điểm r, s khoản 1 Điều 51 và các điểm c, d khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS và Điều 106 của BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) tập vé massage chưa qua sử dụng; 25 *(hai mươi lăm)* bao cao su chưa qua sử dụng; 03 *(ba)* bao cao su đã qua sử dụng;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước gồm: 100.000đ *(một trăm nghìn đồng)* của ông D; 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* của ông T1, 100.000đ *(một trăm nghìn đồng)* của chị T; số tiền bán dâm trong ngày 25/3/2019 là 3.000.000đ, còn lại số tiền 2.590.000đ hoàn trả cho bị cáo.

+ Truy thu của bị cáo số tiền thu lợi bất chính 3.280.000đ *(ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)* để sung công quỹ Nhà nước;

+ Trả lại cho M 01 ví da màu đỏ;

+ Tiếp tục quy trữ của bị cáo: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu xám, có số imei: 354376063752287; 01 (một) xe môtô hiệu Honda Lead màu

đỏ, biển kiểm soát: 92L1-251.35, số khung: 7908HY041889 và số máy: JF79E0147990; số tiền 10.630.000đ *(mười triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng)* là tài sản cá nhân của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo M thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V trình bày: Vào đầu năm 2018, ông V có ký thỏa thuận với bà Y để nhận quản lý, điều hành kinh doanh cơ sở massage H và được chia 20% lợi nhuận kinh doanh, còn vợ là M làm nhân viên lễ tân, dọn vệ sinh và được hưởng lương hàng tháng. Sau một thời gian thì ông V giao toàn bộ việc quản lý, điều hành kinh doanh cơ sở massage cho bị cáo. Việc bị cáo thỏa thuận và cho các nhân viên massage bán dâm tại cơ sở ông V không biết, vì: Ông V thường xuyên không có mặt tại cơ sở massage, không tham gia vào việc quản lý, điều hành kinh doanh, không gặp gỡ các nhân viên làm việc tại cơ sở và bị cáo không cho nói cho ông V biết.

Đại diện Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ L bà Y trình bày: Vào ngày 01/01/2018, bà có đại diện Công ty ký thỏa thuận giao cho ông V chịu toàn bộ trách nhiệm quản lý, điều hành kinh doanh tại cơ sở massage H cho đến hết năm 2019 và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ Công ty hưởng 80%, ông V hưởng 20%. Thời gian đầu, bà làm việc trực tiếp với V trong việc phân chia lợi nhận, sau đó bà làm việc trực tiếp với bị cáo. Do hai bên đã có thỏa thuận giao toàn bộ cho ông V nên Công ty không tham gia vào việc quản lý, điều hành kinh doanh tại cơ sở massge. Vì thế, việc các nhân viên massage thực hiện mua bán dâm với khách hàng Công ty không hay biết, Công ty không có chủ trương yêu cầu nhân viên massage mua bán dâm để tăng lợi nhuận. Việc để xảy ra mua bán dâm tại cơ sở massage là trách nhiệm của cá nhân trực tiếp quản lý, điều hành kinh doanh.

NHẬN ĐINH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo M là người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh tại cơ sở massage H thuộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ L tại đường Đ, H, quận K, thành phố Đ. Khoảng tháng 2 năm 2019, M khi tuyển dụng lao động có thỏa thuận và cho các nhân viên massage tại cơ sở bán dâm cho khách khi có nhu cầu mua dâm để tăng thu nhập. Tính từ ngày 14/3/2019 đến ngày 25/3/2019, bị cáo M cho các nhân viên

massage gồm T, L, T2, L1 và 02 nhân viên khác tên Loan, Trang (chưa rõ nhân thân lai lịch) thực hiện 75 lần bán dâm với giá 300.000đ/1 lần mua dâm, cụ thể: T bán dâm 23 lần, L bán dâm 21 lần, T2 bán dâm 16 lần, L1 bán dâm 2 lần, Trang bán dâm 9 lần và Loan bán dâm 4 lần. Đến khoảng 21h30' ngày 25/3/2019, M bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê phát hiện bắt phạm tội quả tang, khi bị bắt phạm tội quả tang, tại cơ sở massage H có 04 nhân viên bán dâm cho khách đến massage gồm: T, L, T2 và L1. Trong quá trình điều tra, không thu giữ được sổ sách, tài liệu ghi chép liên quan đến hoạt động kinh doanh, mua bán dâm tại cơ sở từ trước ngày 14/3/2019, không xác định được đầy đủ số lượng và lai lịch của các nhân viên massage tham gia bán dâm, chỉ có cơ sở xác định số tiền bị cáo hưởng lợi bất chính từ hoạt động chứa mại dâm là 3.280.000đ *(ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).*

[2] Hành vi trên đây của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Chứa mại dâm", thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Chứa mại dâm 04 người trở lên", nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng số: 100/CT-VKSTK ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức và hiểu biết nhưng vì sự tham lam của bản thân mà xem thường pháp luật, phạm tội liên tục trong thời gian dài. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lòng tin của nhân dân vào sự quản lý của Nhà nước. Xét thấy đối với bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm là phù hợp.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, bản thân bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ, có Bác ruột và Cậu ruột đều là Liệt sĩ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà Hội đồng xét xử đã áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo có khó khăn, nhằm đảm bảo bị cáo có đủ điều kiện thi hành án, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 327 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo số tiền 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng).*

[6] *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng, cụ thể như sau:

[6.1] Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) tập vé massage chưa qua sử dụng; 25 *(hai mươi lăm)* bao cao su chưa qua sử dụng; 03 *(ba)* bao cao su đã qua sử dụng;

[6.2] Tịch thu sung công quỹ Nhà nước gồm: 100.000đ *(một trăm nghìn đồng)* của ông D dùng để mua dâm; 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* của ông T1 dùng để mua dâm, 100.000đ (một trăm nghìn đồng) của chị T có được do bán dâm. Đối với số tiền 5.590.000đ *(năm triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng)* bị thu giữ tại quầy lễ tân, tại phiên tòa bị cáo khai có số tiền bán dâm trong ngày 25/3/2019 là 3.000.000đ và phù hợp với số vé massage bị thu giữ, còn lại 2.590.000đ là tiền thu từ việc bán vé massage và tiền của bị cáo dùng để sử dụng hoàn thối cho khách trong ngày; do đó, cần phải tịch thu sung công quỹ số tiền có được từ bán dâm trong ngày 25/3/2019 là 3.000.000đ, còn lại số tiền 2.590.000đ hoàn trả cho bị cáo là phù hợp.

[6.3] Truy thu của bị cáo số tiền thu lợi bất chính 3.280.000đ *(ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)* để sung công quỹ Nhà nước;

[6.4] Trả lại cho M 01 ví da màu đỏ;

[6.5] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu xám, có số imei: 354376063752287; 01 (một) xe môtô hiệu Honda Lead màu đỏ, biển kiểm soát: 92L1-251.35, số khung: 7908HY041889 và số máy: JF79E0147990; số tiền 10.630.000đ *(mười triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng)* là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên, cần phải tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

[7] *Về án phí*: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đối với những người có hành vi bán dâm, mua dâm tại cơ sở massage H đã bị Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp. Đối với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ L có hành vi không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi người đứng đầu cơ sở kinh doanh dịch vụ massage H, đã bị Công an quận K, thành phố Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

[9] Đối với em Nh có hành vi giúp cho bị cáo đón khách và trả tiền tại quầy lễ tân nhưng Nhẹ khai rằng không biết có hoạt động mua bán dâm tại cơ sở. Mặt khác, bản thân Nh là người dưới 16 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát không điều tra truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nh là có căn cứ.

[10] Trong vụ án này, ông V, bà V khai không biết việc bị cáo M thỏa thuận cho các nhân viên massage bán dâm tại cơ sở H để hưởng lợi; bị cáo M ban đầu khai có bàn bạc với ông V về việc bán dâm tại cơ sở nhưng sau đó thay đổi lời khai, trình bày rằng ông V và bà Y không biết việc bán dâm tại cơ sở vì bị cáo không nói cho những người này biết. Tòa án đã tiến hành trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ vai trò của ông V và bà Y nhưng Viện kiểm sát không tiến hành điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo. Trong hồ sơ vụ án không có các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc ông V, bà Y biết và cùng thống nhất về hoạt động mua bán dâm tại cơ sở; tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng vẫn giữ nguyên lời khai trong giai đoạn điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, xử lý.

[11] Trong giai đoạn điều tra và truy tố, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Như vậy, hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp. Tuy nhiên, trong hoạt động điều tra vụ án đã có thiết sót không thể khắc phục cần phải xem xét rút kinh nghiệm, cụ thể: Khi tiến hành bắt phạm tội quả tang, các tài liệu ghi chép về tình hình mua bán dâm từ ngày 14/3/2019 đến ngày 22/3/2019 được thu giữ tại quầy lễ tân bị xé rách, có dấu hiệu của việc tiêu hủy tài liệu, chứng cứ về hoạt động chứa mại dâm, nhưng cơ quan điều tra không tiến hành khám xét toàn bộ các phòng tại cơ sở massage, bao gồm cả phòng ở của vợ chồng M, của em Nh để tiến hành thu thập có hay không có các tài liệu, chứng cứ liên quan đến hoạt động kinh doanh, chứa mại dâm, phân chia lợi nhuận kinh doanh tại cơ sở massage H, các tài liệu này là cơ sở để điều tra làm rõ về: Tình hình hoạt động chứa mại dâm, số tiền thu lợi bất chính, phân chia lợi nhuận, chứng minh vai trò của ông V và bà Y, trách nhiệm pháp nhân đối với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ L. Như vậy, việc không tiến hành khám xét toàn diện cơ sở H trong giai đoạn điều tra đã không chứng minh được có hay không có các tài liệu, chứng cứ liên quan đến hoạt động chứa mại dâm tại cơ sở H dẫn đến không thể khắc phục lại được, vì hiện trường vụ án đã không còn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 47, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm c, d khoản 2 và khoản 5 Điều 327 của Bộ luật hình sự; Điều 106 và 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo M phạm tội "Chứa mại dâm".

Xử phạt bị cáo M *05 (năm) năm 06 (sáu) tháng* tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2019.

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)*.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) tập vé massage chưa qua sử dụng; 25 *(hai mươi lăm)* bao cao su chưa qua sử dụng; 03 *(ba)* bao cao su đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước gồm: 100.000đ *(một trăm nghìn đồng)* của ông D; 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* của ông T1, 100.000đ *(một trăm nghìn đồng)* của chị T; số tiền bán dâm trong ngày 25/3/2019 bị thu giữ là 3.000.000đ *(ba triệu đồng)*;

- Truy thu của M số tiền thu lợi bất chính 3.280.000đ *(ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)* để sung công quỹ Nhà nước;

- Tiếp tục quy trữ của M 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu xám, có số imei: 354376063752287; 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Honda Lead màu đỏ, biển kiểm soát: 92L1-251.35, số khung: 7908HY041889 và số máy: JF79E0147990; tổng số tiền 13.220.000đ *(mười ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng)* để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại cho M 01 ví da màu đỏ.

(Các vật chứng hiện đang được Chi cục thi hành án dân sự quận K, thành phố Đ tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Biên lai thu tiền số: 07216 ngày 29/8/2019)

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

(ngày 14/11/2019). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQ CSĐT CA quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn